TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 305/2019/DS-PT
Ngày: 31 - 10 - 2019
V/v tranh chấp "Thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂNTỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Thu Hằng**

Ông **Phan Văn Huyện**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thắm** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 24 và 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp "Đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 111/2019/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 317/2019/QĐPT-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông **Trần Văn H** , sinh năm: 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Bà **Nguyễn Thị C,** sinh năm 1948 (có mặt).

2.2. Chị **Nguyễn Thị Hồng V,** sinh năm 1985 (có mặt).

2.3. Chị **Võ Thị Cẩm T,** sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn **Trần Văn H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

** Nguyên đơn Trần Văn H trình bày*:

Vào ngày 24/02/2018 bà Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị Hồng V và chị Võ Thị Cẩm T có đến hỏi vay của ông số tiền 177.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận vay trong thời hạn một tháng, lãi suất 3%/tháng. Khi đến hạn trả nợ, ông H có đến yêu cầu bà C, chị V và chị T trả số tiền đã nợ nhưng các bị đơn không thực hiện nên ông khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả cho ông một lần số tiền 177.000.000 đồng kèm theo lãi suất theo theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông H trình bày số tiền 177.000.000 đồng thực tế là tiền các bị đơn đã nợ ông do mua phân thuốc nông nghiệp từ năm 2015 đến ngày 24/02/2018. Khi mua bán, hai bên thỏa thuận miệng nếu có tiền thì thanh toán bằng tiền mặt, nếu không có tiền, ông H sẽ giao phân thuốc rồi ghi vào sổ theo dõi. Trong thời gian 03 tháng, nếu các bị đơn không trả hết số tiền còn nợ, ông H sẽ tính lãi 3%/tháng. Ngày 24/02/2018, ông H tự cộng sổ ghi lại số tiền các bị đơn còn nợ bằng 01 biên nhận có nội dung *"Tôi Nguyễn Thị C ở tổ 8, ấp H, xã H, C TG có hỏi mượn tiền của anh Tám H ở ấp M xã T, C, TG là 177.000.000 đ (một trăm bảy mươi bảy triệu đồng) để về đi lúa và sau trả tính lãi 3% tháng".* Biên nhận ghi ngày 24/02/2018 có chữ ký của bà C, chị T, chị V.

** Bị đơn Nguyễn Thị C trình bày:*

Bà thừa nhận bà, chị V, chị T có mua phân thuốc của ông H từ thời gian 2015 đến 2018. Thỏa thuận mua bán của hai bên đúng như ông H đã trình bày. Khi mua phân thuốc, có khi bà trực tiếp mua, có khi chị V hoặc chị T mua. Ông H sẽ tự tính tiền và tự ghi vào sổ theo dõi. Khoản tháng 6/2015 âm lịch, lúc chị V lên mua thuốc, nhìn vào sổ theo dõi thấy còn nợ số tiền 52.000.000 đồng nên ngưng không mua thiếu nữa. Đến tháng 6/2018, ông H mang xuống nhà bà 01 tờ giấy yêu cầu bà ký tên vào để biết số tiền còn nợ, không nói rõ số tiền nợ là bao nhiêu. Do không biết chữ nên bà không biết rõ nội dung. Vì vậy bà có viết chữ C vào giấy. Nay bà chỉ đồng ý trả cho ông H 52.000.000 đồng.

** Bị đơn Nguyễn Thị Hồng V trình bày:*

Chị thống nhất với nội dung trình bày của bà C và ông H về việc giữa ông H với bà C, chị T và chị chỉ có quan hệ mua bán phân thuốc, không có vay mượn của ông H bất cứ số tiền nào. Do trong thời gian mua không có tiền trả dứt điểm cho ông H 01 lần số tiền đã nợ nên khi nào có tiền, chị sẽ đến trả cho ông H, không nhớ rõ số tiền đã trả. Khi giao tiền, do tin tưởng nên không có làm biên nhận. Không ngồi lại tính toán số tiền nợ còn lại cụ thể là bao nhiêu. Khoản tháng 6/2015, chị V nhìn vào sổ theo dõi thấy còn nợ 52.000.000 đồng. Từ thời điểm đó đến nay, do còn thiếu nhiều tiền nên ông H không đồng ý bán thiếu nữa. Nay chị chỉ đồng ý cùng bà C và chị T trả số tiền 52.000.000 đồng.

* Bị đơn chị Võ Thị Cẩm T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến và cũng không có bản khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông H.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 111/2019/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Văn H. Buộc Bà Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị Hồng V, chị Võ Thị Cẩm T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn H 52.000.000 đồng tiền gốc và 17.231.600 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 69.231.600 đồng. Trả 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với số tiền 125.000.000 đồng ông H yêu cầu bị đơn trả cho ông là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự, nghĩa vụ chậm thi hành án theo quy định.

* Ngày 15/7/2019, nguyên đơn Trần Văn H có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông. Buộc các bị đơn trả cho ông số tiền 177.000.000 đồng và lãi suất phát sinh trên số tiền 177.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất hai bên không có giao dịch vay. Ông H không cung cấp được các chứng từ liên quan đến giao dịch mua bán vật tư nông nghiệp nên cần ghi nhận sự thừa nhận của bị đơn về việc nợ 52.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử buộc bà C, chị V, chị T trả 52.000.000 đồng và lãi là có căn cứ. Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ y bản án sơ thẩm số 111/2019/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghiệpe quan điểm của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Trần Văn H nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Đòi tài sản" là chưa chính xác theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự vì bà Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị Hồng V, chị Võ Thị Cẩm T không chiếm hữu, sử dụng tài sản hay được lợi tài sản không có căn cứ pháp luật mà tài sản đó thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn. Số tiền nguyên đơn khởi kiện thực chất là tiền mua vật tư nông nghiệp mà bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn trong giao dịch mua bán vật tư nông nghiệp từ năm 2015. Hai bên có tranh chấp về số tiền mua vật tư nông nghiệp sau khi giao dịch mua bán chấm dứt. Do dó, cần xác định lại quan hệ tranh chấp là "Thực hiện nghĩa vụ trả tiền" theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự và Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo của ông Trần Văn H: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp bản chính 03 biên nhận: biên nhận ngày 06/02/2015 (âm lịch) có nội dung bà Nguyễn Thị Đ mượn ông H 34.000.000 đồng, phía dưới bà Đ ký tên; biên nhận ngày 29/8/2015 (âm lịch) có nội dung bà Nguyễn Thị Đ mượn ông H 66.000.000 đồng, phía dưới bà Đ, chị V ký tên; biên nhận ngày 20/01/2016 (âm lịch) có nội dung bà Nguyễn Thị Đ mượn ông H 77.000.000 đồng, phía dưới bà Đ, chị V, ông Võ Văn B ký tên. Ông H xác định 03 biên nhận nói trên được tổng kết lại thành biên nhận ngày 24/02/2018 với tổng số tiền là 177.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Hồng V xác định có ký tên vào hai trong ba biên nhận ông H mới cung cấp tại Tòa và cũng xác định, số tiền nợ theo 03 biên nhận là tiền mua bán vật tư nông nghiệp. Bà Nguyễn Thị Đ là mẹ chồng chị, Võ Văn B là cha chồng, bà Nguyễn Thị C là dì chồng, chị Võ Thị Cẩm T là em chồng. Như vậy, theo 03 biên nhận mới được nguyên đơn cung cấp làm phát sinh thêm nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Đ, ông Võ Văn B nhưng những người này chưa tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm. Do phát sinh tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm, chưa được xem xét tại cấp sơ thẩm nên cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện C xét xử lại nhằm đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của ông H.

Từ cơ sở nhận định trên, nhận thấy nội dung phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do án sơ thẩm bị hủy nên căn cứ Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 148, Điều 293, Khoản 3 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1. Hủy bản án sơ thẩm số 111/2019/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang về tranh chấp "Đòi tài sản".

2. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

3. Về án phí: Hoàn lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002072 ngày 15/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 8 giờ 30 ngày 31/10/2019 có mặt ông H, bà C, bà V, đại diện Viện kiểm sát.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ánh Phương

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. HCM
- VKSND Tỉnh TG.
- TAND H. Cái Bè.
- Chi cục THADS h. Cái Bè.
- Đương sự.
- Phòng KTNV & THA (TAT)
- Lưu hồ sơ, án văn.